

SỐ QUẢN LÝ VĂN BẢN
ĐẾN SỐ: 5199
Ngày 17/7/2017

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 900 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2017

SỐ QUẢN LÝ VĂN BẢN
ĐẾN SỐ: 4308
Ngày 23/6/17

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu
vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 2.139 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu của 46 tỉnh vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020. Trong đó:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư: 2.103 xã của 44 tỉnh;
- Ngân sách địa phương đầu tư: 36 xã của 02 tỉnh: Quảng Ninh và Khánh Hòa.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.


PKU - TC
CHƯNG THỊ M
TC LAM HOA

(Handwritten mark)

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, NN, CN, QHĐP, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (3). *105*

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số : 73/SY-UBND

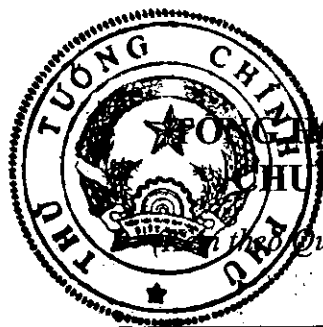
Tuyên Quang, ngày 13 tháng 7 năm 2017

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa TT&DL;
- Sở Tài chính; Ban Dân tộc;
- Sở Lao động TBXH;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- CV: TH, KTNN, KGVX, QHĐT;
- Lưu VT: (Tùng VX)

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**


Nguyễn Thanh



**PHONG CỘP DANH SÁCH XÃ THUỘC DIỆN ĐẦU TƯ
CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**

*Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên tỉnh	Tổng số	Sử dụng ngân sách trung ương	Sử dụng ngân sách địa phương
TỔNG CỘNG		2.139	2.103	36
1	Quảng Ninh	20		20
2	Ninh Bình	5	5	
3	Hà Giang	136	136	
4	Cao Bằng	156	156	
5	Bắc Kạn	60	60	
6	Tuyên Quang	63	63	
7	Lào Cai	104	104	
8	Yên Bái	81	81	
9	Thái Nguyên	63	63	
10	Lạng Sơn	133	133	
11	Bắc Giang	52	52	
12	Phú Thọ	41	41	
13	Điện Biên	103	103	
14	Lai Châu	66	66	
15	Sơn La	118	118	
16	Hòa Bình	99	99	
17	Thanh Hóa	100	100	
18	Nghệ An	99	99	
19	Hà Tĩnh	6	6	
20	Quảng Bình	40	40	
21	Quảng Trị	29	29	
22	Thừa Thiên Huế	17	17	
23	Quảng Nam	66	66	
24	Quảng Ngãi	50	50	

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã
		Xã Văn Minh
		Xã Vũ Loan
		Xã Đồng Xá
		Xã Côn Minh
		Xã Lạng Sơn
		Xã Xuân Dương
		Xã Lam Sơn
		Xã Ân Tình
		Xã Kim Hỷ
		Xã Quang Phong
	HUYỆN NGÂN SƠN	
		Xã Cốc Đán
		Xã Thượng Ân
		Xã Bằng Vân
		Xã Đức Vân
		Xã Thượng Quan
		Xã Thuần Mang
		Xã Hương Nê
		Xã Lãng Ngâm
		Thị Trấn Nà Phặc
		Xã Trung Hòa
	HUYỆN PÁC NẠM	
		Xã An Thắng
		Xã Bằng Thành
		Xã Cổ Linh
		Xã Công Bằng
		Xã Nhạn Môn
		Xã Nghiên Loan
		Xã Xuân La
	6. TỈNH TUYẾN QUANG	63
	HUYỆN LÂM BÌNH	
		Xã Bình An
		Xã Hồng Quang
		Xã Khuôn Hà
		Xã Lãng Can
		Xã Phúc Yên

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã
		Xã Thổ Bình
		Xã Xuân Lập
	HUYỆN NA HANG	
		Xã Côn Lôn
		Xã Đà Vị
		Xã Hồng Thái
		Xã Khâu Tinh
		Xã Sinh Long
		Xã Sơn Phú
		Xã Thanh Tương
		Xã Thượng Giáp
		Xã Thượng Nông
		Xã Yên Hoa
	HUYỆN CHIÊM HÓA	
		Xã Hà Lang
		Xã Trung Hà
		Xã Minh Quang
		Xã Phúc Sơn
		Xã Tân Mỹ
		Xã Hùng Mỹ
		Xã Phú Bình
		Xã Yên Lập
		Xã Bình Phú
		Xã Kiên Đài
		Xã Linh Phú
		Xã Tri Phú
		Xã Hòa An
		Xã Xuân Quang
	HUYỆN HÀM YÊN	
		Xã Bạch Xa
		Xã Bằng Cốc
		Xã Hùng Đức
		Xã Minh Hương
		Xã Minh Khương
		Xã Tân Thành
		Xã Thành Long

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã
		Xã Yên Lâm
		Xã Yên Thuận
	HUYỆN YÊN SƠN	
		Xã Công Đa
		Xã Đạo Viện
		Xã Hùng Lợi
		Xã Kiến Thiết
		Xã Kim Quan
		Xã Lục Hành
		Xã Phú Thịnh
		Xã Quý Quân
		Xã Tân Tiến
		Xã Trung Minh
		Xã Trung Sơn
		Xã Trung Trực
	HUYỆN SƠN DƯƠNG	
		Xã Chi Thiết
		Xã Bình Yên
		Xã Đông Lợi
		Xã Đồng Quý
		Xã Hợp Hòa
		Xã Lương Thiện
		Xã Minh Thanh
		Xã Quyết Thắng
		Xã Thanh Phát
		Xã Trung Yên
		Xã Hợp Thành
7. TỈNH LÀO CAI		104
	HUYỆN SA PA	
		Xã Lao Chải
		Xã Bản Hồ
		Xã Tả Van
		Xã Trung Chải
		Xã Sa Pả
		Xã Suối Thầu
		Xã Tả Phìn